

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học  
Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-KĐCLGDTL ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 19 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Phan Châu Trinh và 06 chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 19 ngày 26 tháng 5 năm 2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên đúng quy định hiện hành.

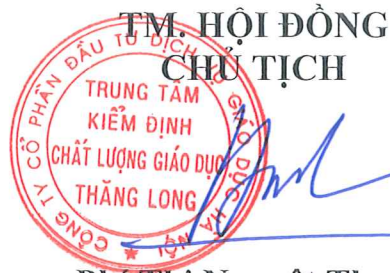
Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học cho Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHCNTTTT, ĐHTN;
- Lưu: VT.



**Phí Thị Nguyệt Thanh**



## Phụ lục I

### Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

### Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 4,00                        | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 4,00                        | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 4,00                        | 4                  | 80                           |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.5            | 5                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 4,00                        | 7                  | 100                          |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.7            | 4                          |                             |                    |                              |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,20                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.5            | 5                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 4,40                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.3            | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.4            | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 3,83                        | 5                  | 83,33                        |
| Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.2           | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 3,60                        | 3                  | 60                           |
| Tiêu chí 11.1           | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.4           | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                    |                              |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 3,96           | 44              | 88                        |



## Phụ lục II

### **Kiến nghị cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên**

*(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

#### **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT**

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, được định kỳ rà soát, cập nhật. Chuẩn đầu ra của CTĐT đã xác định được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm, định hướng nghề nghiệp cụ thể trong tương lai, đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; được công bố công khai và phổ biến tới tân sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học.

2. Nhà trường đã định kỳ rà soát, cập nhật và ban hành Bản mô tả CTĐT theo quy trình đã được xây dựng, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan. đề cương chi tiết các học phần có đầy đủ các nội dung theo quy định. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được lưu trữ bản cứng tại phòng đào tạo, văn phòng Khoa, thư viện và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử ba công khai của Trường, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp, trên hệ thống LMS/LCMS.

3. Chương trình dạy học được thiết kế cơ bản dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và chỉ rõ sự đóng góp của từng học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Nhà trường/Khoa đã xây dựng ma trận thể hiện sự đóng góp của tất cả các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT. Các học phần đều xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của học phần. 100% các học phần của CTĐT đã thiết kế các tổ hợp phương pháp dạy học và các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng phù hợp với từng nội dung kiến thức, hướng tới đáp ứng chuẩn đầu ra về các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm của người học. Chương trình dạy học được rà soát, có cấu trúc logic, liên mạch, đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần thuộc các khối kiến thức. Trong các lần rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học, Trường đã tham khảo CTĐT của các trường đại học trong nước đào tạo về lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện như Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Hà Nội, đảm bảo sự phù hợp trong cấu trúc chương trình, tính linh hoạt và tích hợp.

4. Nhà trường đã ban hành văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục: “Giáo dục toàn diện lấy người học làm trung tâm; đào tạo hình mẫu công dân số; kiến tạo tương lai, nuôi dưỡng lòng nhân ái” và phổ biến tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp

quả. Hệ thống quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập và vận hành hiệu quả; được thực hiện chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát kịp thời, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi và xuất sắc cao và tăng dần từng năm. Việc tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký học, đăng ký thi, đăng ký thi cải thiện/trả nợ của sinh viên đều thực hiện đều thực hiện trên trang web đào tạo tin chỉ của Trường, tạo sự thuận lợi và đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho sinh viên được nhà trường chú trọng có phân công riêng cho các đơn vị/bộ phận/cá nhân thực hiện và triển khai theo kế hoạch và triển khai một cách có hệ thống và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên trong cải thiện học tập và đáp ứng yêu cầu tìm việc làm của sinh viên. Sinh viên tốt nghiệp sớm tìm được việc làm và có tỉ lệ việc làm cao. Chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm theo các năm trong giai đoạn đánh giá được người học đánh giá cao. Các chính sách, nội quy, quy chế, quy định đối với sinh viên được công bố công khai trang thông tin điện tử của Trường, được in trong sổ tay sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Các hoạt động về y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn trường học... được Trường thực hiện bài bản, bảo đảm theo quy định, được ghi nhận của cơ quan chức năng. Sinh viên được bảo đảm đầy đủ các quyền lợi; được hỗ trợ, được miễn giảm học phí và được cấp học bổng... Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của trường (xanh hoá, đa dạng và chú trọng) tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân người học, được sinh viên đánh giá cao.

9. Hệ thống hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học và các phòng chức năng được đầu tư tương đối đồng bộ, đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/người học chính quy quy đổi với đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện có không gian đọc rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận tài liệu in và tài liệu số. Hệ thống quản lý thư viện được vận hành bằng phần mềm Elib, nguồn học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hệ thống phòng thực hành chuyên ngành đầy đủ các thiết bị đặc thù phù hợp với đặc điểm của CTĐT, được bảo trì, nâng cấp định kỳ hằng năm và có cán bộ kỹ thuật chuyên trách theo dõi, quản lý. Hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ, hiện đại với mạng Internet tốc độ cao. Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý và đào tạo thông qua các phần mềm. Các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn được Trường cụ thể hóa bằng văn bản và được triển khai đồng bộ, có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Môi trường học tập an toàn, thân thiện và xanh - sạch - đẹp. Hệ thống y tế học đường hoạt động hiệu quả, đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người học, giảng viên và người lao động. Công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự được triển khai nghiêm túc, có đội phòng cháy chữa cháy cơ sở và hệ thống giám sát an ninh 24/7.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Có quy định việc rà soát, đánh giá các phương

4. Xây dựng phương thức truyền thông đa dạng, phù hợp nhằm giới thiệu hiệu quả hơn triết lý giáo dục; xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả học tập của người học, nâng cao chất lượng hệ thống học tập trực tuyến thúc đẩy người học sử dụng tài nguyên số; tăng cường kết nối, huy động doanh nghiệp và cựu người học tham gia các hoạt động giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tế giúp người học có động lực học tập.

5. Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; nghiên cứu để cải tiến phương thức công bố các quy định về công tác kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học đạt hiệu quả hơn; chuẩn hoá bộ công cụ đánh giá tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện đối sánh kết quả đạt chuẩn đầu ra học phần qua các năm học để bảo đảm độ công bằng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; xây dựng cơ chế đánh giá mức độ nắm bắt các quy định kiểm tra đánh giá/phản hồi kết quả của người học để có biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá.

6. Có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ gắn với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để có kết quả đối sánh làm căn cứ đề xuất chính sách cho phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên của trường trong từng giai đoạn; xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) về phục vụ cộng đồng để quản trị, đánh giá giảng viên/nghiên cứu viên hàng năm và định kỳ; có phần mềm quản lý giảng viên/nghiên cứu viên, với các dữ liệu liên quan đến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và tham gia công tác đào tạo bồi dưỡng theo quy định làm căn cứ cho việc quản trị, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ trong việc khen thưởng tạo động lực cho đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên; tăng cường các nội dung bồi dưỡng giảng viên/nghiên cứu viên về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thông qua các nội dung đã thực hiện; phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ dựa trên giải pháp đề cập trong Chiến lược phát triển Trường, có đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học giữa các Khoa trong Trường và cơ sở giáo dục khác trong phạm vi Đại học Thái Nguyên làm căn cứ xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Rà soát, bổ sung và tách các đối tượng khảo sát để đánh giá mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; rà soát, đánh giá và đưa ra các biện pháp truyền thông có hiệu quả để hỗ trợ trong công tác tuyển dụng, đảm bảo tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng với yêu cầu cầu phát triển của Trường; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc có tính định lượng, để đo lường phù hợp với từng vị trí công việc; phân tích sâu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng với mục tiêu chiến lược và tầm nhìn của Trường đã đặt ra; rà soát và xây dựng lại các câu hỏi trong phiếu khảo sát đánh giá sự hài lòng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng.

dịch vụ hỗ trợ khác; có chính sách khuyến khích giảng viên, người học tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hoà nghiên cứu chuyên sâu chuyên ngành với nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

11. Có các giải pháp phù hợp để giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ tốt nghiệp khóa học, đặc biệt số sinh viên còn tồn đọng do thiếu điểm các học phần, các chứng chỉ; có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm rút ngắn thời gian đào tạo bằng cách có sinh viên tốt nghiệp trước hạn, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng; chú trọng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sinh viên về quy trình thực hiện, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng; khuyến khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với người những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.